TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1311**/2021/QĐST-VHNGĐ	*Biên Hòa, ngày 16 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 131 của Luật hôn N và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 1973/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Những người yêu cầu giải quyết việc hôn N và gia đình:*

+ Anh Trần Thanh N, sinh năm 1988.

Trú tại: 29/1 khu phố 2 Huỳnh Văn Lũy, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Thái Bích T, sinh năm 1988.

Trú tại: 61C, khu phố 2, Cách mạng tháng 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh N và chị Thái Bích T tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2015. Nay, anh Trần Thanh N và chị Thái Bích T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là Trần Nhân K, sinh ngày 05/02/2019. Anh N và chị T đã thỏa thuận giao con cho chị T nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh N và chị T mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí hôn N và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000464 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Anh N và chị T đã nộp đủ tiền lệ phí theo quy định.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh N, sinh năm 1988 và chị Thái Bích T, sinh năm 1988 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là Trần Nhân K, sinh ngày 05/02/2019. Anh N và chị T đã thỏa thuận giao cháu Trần Nhân K, sinh ngày 05/02/2019 cho chị T nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh N và chị T mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí hôn N và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000464 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Anh N và chị T đã nộp đủ tiền lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa
- UBND Phường Hòa Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Triều Châu